

Số: 26 /TB-TTYT

Châu Đức, ngày 14 tháng 05 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v mời tham gia Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT; Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Vật tư y tế tiêu hao - Hóa chất y tế - Hóa chất xét nghiệm -Test sinh phẩm đợt 2 năm 2025

Trung tâm Y tế huyện Châu Đức triển khai và thực hiện gói thầu Vật tư y tế tiêu hao - Hóa chất y tế - Hóa chất xét nghiệm -Test sinh phẩm đợt 2 năm 2025.

Trung tâm Y tế huyện Châu Đức kính mời các đơn vị cung cấp Dịch vụ Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT; Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu có kinh nghiệm – năng lực tham gia thẩm định gói thầu trên.

I. Thông tin gói thầu như sau:

1. Hàng hóa dịch vụ:

- Đính kèm Bảng giá gói thầu Mua sắm Vật tư y tế tiêu hao - Hóa chất y tế - Hóa chất xét nghiệm -Test sinh phẩm đợt 2 năm 2025 (Chi tiết danh mục, quy cách xem tại Website: <http://ttytchauduc.com.vn>).

2. Tên dịch vụ tư vấn:

- Gói thầu tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu Vật tư y tế tiêu hao - Hóa chất y tế - Hóa chất xét nghiệm -Test sinh phẩm đợt 2 năm 2025.

- Gói thầu tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu Vật tư y tế tiêu hao - Hóa chất y tế - Hóa chất xét nghiệm -Test sinh phẩm đợt 2 năm 2025.

3. Hồ sơ chào giá gồm:

- Hồ sơ năng lực của Công ty
- Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh
- Bảng báo giá (ký và đóng dấu lãnh đạo đơn vị), các tài liệu khác có thể chứng minh năng lực, kinh nghiệm của đơn vị.

4. Thời hạn báo giá: từ ngày 14/5/2025 đến hết ngày 23/5/2025.

5. Địa điểm nhận báo giá:

- Phòng Tổ Chức Hành Chánh - Trung tâm Y tế huyện Châu Đức
- Địa chỉ: Số 31 Điện Biên Phủ, Thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Điện thoại: 0254.3881865

- Địa chỉ mail: trungtamytechauduc@gmail.com

* Lưu ý: Ngoài bì thư ghi rõ: “BÁO GIÁ TƯ VẤN/THẨM ĐỊNH GÓI THẦU VẬT TƯ ĐỢT 2 NĂM 2025”

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: Quý II - Quý III/2025

Trung tâm Y tế huyện Châu Đức rất mong được sự quan tâm báo giá của Quý Công ty trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Website tttychauduc;

-Lưu: VT; KT.

GIÁM ĐỐC



Ngô Hải Vân



PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA

GÓI THẦU: MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO-HOÁ CHẤT Y TẾ-HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM-TEST SINH PHẨM ĐỢT 2 NĂM 2025

(Đính kèm Thông báo mời chào giá số 20/TB-TTĐT, ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Châu Đốc)

Đơn vị: đồng

ST T	Tên hàng hóa	Thông số, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
Phần 1: Dây truyền dịch, dây hút nhót, dây thông tiểu, băng thun, băng keo, bột bó, bông y tế, bơm tiêm, găng y tế, chỉ khâu da các loại, kim luồn, kim rút thuốc, kim châm cứu. Vật tư y tế tiêu hao các loại: (Giấy điện tim, giấy in monitor, que đơ lưỡi, ống nghiệm, bao đo máu sau sinh...).							438,362,450
1	Dây truyền dịch an toàn 20 giọt	Dây truyền dịch an toàn, buồng 20 giọt. Công tiêm thuốc chữ Y không chứa Latex Màng lọc dịch an toàn 15µm: ngăn 100% bọt khí, tự động đuổi khí và khoá dịch; không cần mỗi dịch cho những lần bơm truyền tiếp theo. Dây dài 180cm, ID3.0mm, OD4.1mm, chất liệu PVC siêu mềm, không DEHP, thay bằng DEHT an toàn Màng lọc 0.2µm có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí Đầu nối vận xoắn chống rò rỉ (Luer Lock); Khóa lần chỉnh giọt. Có khóa dừng khẩn cấp. Chịu áp lực lên tới 3bar. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn ISO 13485. Hạn sử dụng 5 năm Quy cách: Hộp / 100 chiếc	Bộ	1500	Hộp / 100 chiếc	16,500	24,750,000
2	Hút nhót có khóa (Số 8)	Làm bằng nhựa PVC, màu sắc trong suốt, tiệt trùng bằng khí Gas, đóng trong gói PE, có khóa	Sợi	40	Gói/1 sợi	2,400	96,000
3	Thông tiểu hai nhánh số 14	Công dụng: Dùng để thông tiểu cho bệnh nhân. Được sản xuất từ cao su thiên nhiên và được tráng qua silicon. Được đóng gói trong từng túi riêng lẻ. Size: 12, 14, 16, 18, 20, 22.	Sợi	70	Gói / 01 sợi	14,750	1,032,500
4	Thông tiểu hai nhánh số 16	Công dụng: Dùng để thông tiểu cho bệnh nhân. Được sản xuất từ cao su thiên nhiên và được tráng qua silicon. Được đóng gói trong từng túi riêng lẻ. Size: 12, 14, 16, 18, 20, 22.	Sợi	250	Gói / 01 sợi	14,750	3,687,500

ST T	Tên hàng hóa	Thông số, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
5	Túi đựng nước tiểu	Sản phẩm dùng để đựng nước tiểu của bệnh nhân không thể di chuyển đi vệ sinh. Túi nước tiểu chỉ được sử dụng một lần duy nhất.	Cái	200	Gói/ 1 cái	5,800	1,160,000
6	Bộ rửa dạ dày	Dùng để thông rửa dạ dày	Bộ	30	Gói / 1 Bộ	90,000	2,700,000
7	Băng keo thun co giãn 6cm x 4,5m	Băng thun có keo cố định khớp 6cm x 4.5m (Băng cuộn co giãn). Băng thun màu trắng, cotton 100%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, lực dính 2-9 N/cm, co giãn $\geq 90\%$, có kiểm tra vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	10	Hộp 1 cuộn	113,500	1,135,000
8	Băng bột bó 15cm x 2,7m	Làm từ bột thạch cao liền gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). Vò là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút	Cuộn	150	Thùng 72 cuộn	26,000	3,900,000
9	Băng keo lụa 5cm x 5m	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều, trọng lượng của khối phủ 50-60 g/m ² , lực dính 1,8-5,5 N/cm, có kiểm tra vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Chứng nhận MD 92825	Cuộn	400	Hộp 1 cuộn	49,000	19,600,000
10	Băng thun 3 móc 10cm x 4,5m	Kích thước ban đầu 10cm x 1,5m, kích thước sử dụng 10cm x 4,5m; độ đàn hồi 200%; Chất liệu làm từ sợi Cotton se tròn 76%, kết hợp với cao su tự nhiên 24%; màu da và có 3 móc dùng để cố định băng. Băng thun cuộn 10cm x 4,5m (3 móc). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	1110	Thùng 30 cuộn	29,500	32,745,000
11	Băng thun 7,5cm x 4,5m	- Băng thun màu trắng, sợi polyester, spandex và sợi bông, trọng lượng 90 g/m ² , co giãn $\geq 200\%$, có kiểm tra vi sinh. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Chứng nhận MD 92825 - Băng thun cuộn 7,5cm x 4,5m (2 móc).	Cuộn	800	Thùng 40 cuộn	24,000	19,200,000
12	Bông y tế 100 gram (không tiết trùng)	Nguyên liệu: sợi bông cotton 100%, hút nước, Quy cách: 100 gram/gói. Loại: không tiết trùng	Gói	610	Gói/ 100gram	27,500	16,775,000
13	Bông không hút nước (1kg)	100% bông xơ tự nhiên, màu vàng, không thấm nước (bông không hút nước) Đóng gói: 1Kg/gói	Cuộn	10	Gói/ 1kg	170,500	1,705,000

ST T	Tên hàng hóa	Thông số, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
14	Bơm tiêm 1ml, kim 26G x 1/2	- Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml cỡ kim 26Gx1/2". - Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp nhựa đậy. Thân kim làm bằng thép không gỉ có đủ độ cứng, bề mặt nhận bóng. - Gioăng (đầu bịt pít tông) kín khít có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. - Không chứa độc tố DEHP. - Đóng gói vô trùng. Dùng để tiêm sử dụng một lần	Cái	7000	01 chiếc/ túi	840	5,880,000
15	Bơm tiêm 3ml, kim 23G x 1; 25G x 1; 25G x 5/8	- Bơm tiêm nhựa liền kim 3 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. - Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp nhựa đậy. Thân kim làm bằng thép không gỉ có đủ độ cứng, bề mặt nhận bóng. - Gioăng (đầu bịt pít tông) kín khít có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. - Không chứa độc tố DEHP. - Đóng gói vô trùng. Dùng để tiêm sử dụng một lần.	Cái	3000	01 chiếc/ túi	840	2,520,000
16	Bơm tiêm 5ml, kim 25G x 1	- Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. - Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp nhựa đậy. Thân kim làm bằng thép không gỉ có đủ độ cứng, bề mặt nhận bóng. - Gioăng (đầu bịt pít tông) kín khít có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. - Không chứa độc tố DEHP. - Đóng gói vô trùng. Dùng để tiêm sử dụng một lần.	Cái	20000	01 chiếc/ túi	882	17,640,000
17	Bơm tiêm sử dụng một lần 50ml/cc	- Xy lanh: Đầu xoắn, trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích in rõ nét, không bị nhòe mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 ngón tay có gờ làm tăng độ bám chắc khi tiêm. - Pít tông: có khóa bẻ gãy để hủy. Núm đẩy có gờ tăng độ ma sát khi tiêm. - Gioăng: Mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn, di chuyển dễ dàng tạo được độ kín- khít giữa pít tông với xy lanh nên khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Cái	100	01 chiếc/ túi	8,800	880,000



ST T	Tên hàng hóa	Thông số, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
18	Găng khám kiểm tra dùng trong y tế có bột cỡ M.S	Sản xuất từ latex cao su thiên nhiên, màu trắng tự nhiên của cao su, phủ bột ngô chống dính, mềm mại, độ bền cao, sử dụng một lần, thuận cả 2 tay, không tiết trùng, công dụng: Dùng trong khám chữa bệnh a.Kích thước: - Bề dày: min 0,1mm - Chiều dài: 240 ±5 mm -Chiều rộng lòng bàn tay: + Size S: 89±5mm + Size M: 95±5mm b. Cơ lý tính: - Lực kéo đứt + Trước lão hóa: > 7,0N + Sau lão hóa: > 6,0N - Độ giãn dài khi đứt: +Trước lão hóa: > 650% + Sau lão hóa: > 550% c. Lỗ thùng: AQL 1.5	Đôi	50000	50 Đôi/hộp	1,750	87,500,000
19	Chỉ chromic 2/0 kim tròn 26mm. 1/2C (kim tròn)	Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ làm từ collagen thanh mạc ruột bò (không phải cừu hoặc dê), sợi chắc, dễ uốn. Kim thép 302 phủ	Tép	72	Hộp / 24 tép	31,250	2,250,000
20	Chỉ nylon 4/0 kim tam giác 18mm, 3/8C	Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	Tép	144	Hộp / 24 tép	17,125	2,466,000
21	Chỉ nylon 5/0 kim tam giác 16mm, 3/8C	Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	Tép	192	Hộp / 24 tép	23,500	4,512,000
22	Chỉ phẫu thuật tự tiêu đa sợi 2-0 kim tròn (90cm)	Chỉ tan nhanh tổng hợp Polyglactine 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt V-34 có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 36mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS	Hộp	3	Hộp/12 tép	1,357,650	4,072,950

ST	Tên hàng hóa	Thông số, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
23	Kim châm cứu 3cm	Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. Kim sắc thép y tế không gỉ, dẫn điện tốt. Đường kính: 0.16-0.45(mm), Chiều dài: L: 13-75(mm) Đạt tiêu chuẩn EC và ISO 13485 Ngày sản xuất - Hạn sử dụng được thể hiện trên từng túi	Chiếc	50000	10 kim/ túi, 10 túi/hộp	525	26,250,000
24	Kim châm cứu 11,6 cm	Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. Kim sắc thép y tế không gỉ, dẫn điện tốt. Đường kính: 0.16-0.45(mm), Chiều dài: L: 13-75(mm) Đạt tiêu chuẩn EC và ISO 13485 Ngày sản xuất - Hạn sử dụng được thể hiện trên từng túi	Chiếc	300	10 kim/ túi, 10 túi/hộp	4,150	1,245,000
25	Khóa 3 ngã có dây dài 25cm	-Làm bằng chất liệu Polyamide chất lượng cao dùng trong y tế, không gây độc, gây sốt, không gây gập hoặc chảy nước, không DEHP -Kèm dây nối làm bằng PVC 10cm, 25cm trong suốt có khả năng chịu nứt gãy, chịu được áp lực cao 5 bar (72psi). -Khóa ba cách với 2 đầu nối lure lock có thể điều chỉnh đóng mở được -Chắc ba nòng trơn nhẵn, mùi tên chỉ hướng dòng chảy -Xoay 360 độ không giới hạn -Khử trùng bằng khí EO (Ethylene Oxide) -Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016, CE	Cái	20	Túi/ 1 cái	8,350	167,000
26	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G22	Có đầu bảo vệ bằng nhựa cứng, có cánh , có cửa, thép không gỉ,polypropylene,polyethylene,polyacetal	Cái	2000	Hộp 100 cái	3,750	7,500,000
27	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G24	Có đầu bảo vệ bằng nhựa cứng, có cánh , có cửa, thép không gỉ,polypropylene,polyethylene,polyacetal	Cái	1500	Hộp 100 cái	3,750	5,625,000
28	Kim rút thuốc G18	-Kim: được làm bằng thép không gỉ -Đầu kim vật 3 cạnh, sắc nhọn, không gỉ, có nắp chụp bảo vệ - Thân kim nhẵn, tròn đều, có độ cứng cơ khí, không bị cong vênh, không tập chất bên trong, được phủ Silicone. -Độc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt - Tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	1300	Hộp 100 cái	550	715,000

ST T	Tên hàng hóa	Thông số, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
29	Bao đo máu sau khi sinh	Dung tích 2000ml. Chất liệu: màng nhựa PE trong. - Kích thước: 1.050mm x 700mm. - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng- Tiệt trùng bằng khí OE- Tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	100	1 Cái / gói	7,950	795,000
30	Tăm bông	Que lấy bệnh phẩm đã tiệt trùng, thân que bằng nhựa, một đầu gòn, dài 16cm.	Gói	50	Gói/ 100 cây	39,000	1,950,000
31	Que phết âm đạo	Thân que bằng nhựa, 1 đầu cước, tiệt trùng từng cây, dài 16cm	Cây	300	Bịch /100 cây	3,000	900,000
32	Que đè lưỡi gỗ tiệt trùng từng cây	Thành phần cấu tạo: - Que đè lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	65000	Hộp 100 cái	320	20,800,000
33	Khẩu trang y tế	Khẩu trang làm từ vải không dệt, thanh nẹp mũi làm từ nhựa, dây đeo co giãn; dùng để ngăn ngừa bụi và vi khuẩn, sử dụng 1 lần.	Cái	50000	Hộp/ 50 cái	650	32,500,000
34	Đầu Col vàng có khóa	Chứng nhận IVD: tất cả các đầu col được đăng ký để sử dụng cho việc chuẩn đoán trong phòng thí nghiệm & thực hiện theo tiêu chuẩn 98/79/CE. Chất liệu: Nhựa PP. Kích thước: 0-200ul	Cái	20000	1.000 cái/ gói	82	1,640,000
35	Ống nghiệm Heparine	* Kích thước 12x75. Nắp màu đen. * Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin lithium. * Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml hoặc 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml hoặc 2ml trên nhãn ống. * Dùng xét nghiệm Ion đồ Na+, K+, Ca2+, Cl-... trừ Li+. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH3 và định lượng Alcool trong máu. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. * Có giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế cấp.	Ống	4800	Thùng/ 2.400 ống	845	4,056,000

ST T	Tên hàng hóa	Thông số, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
36	Ống nghiệm trắng nắp xoắn không nhãn 5 ml	* Kích thước 12x75. Nhựa PS trắng trong nắp ấn trong màu trắng. * Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. * Có giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế cấp.	Ống	9000	Bịch/ 500 ống	415	3,735,000
37	Giấy in monitor sản khoa 152x150mm	- Thông số : Dùng để in kết quả trong sản khoa, không lỗ. - Kích thước: 152*150*200	Xấp	50	Xấp / 200 tờ	65,750	3,287,500
38	Giấy điện tim 3 cần (63mm x 30m)	- Dạng cuộn, bề mặt trơn láng có đường kẻ ô vuông, in chi tiết rõ ràng độ nhạy cao. - Sử dụng được cho các hãng trên thị trường Nihon Koden, Fukuda Denshi, Newtech 1503, Neu Cardio E3, ... - Kích thước: 63mm x 30m.	Cuộn	150	Cuộn/ 63mm x 30m	18,000	2,700,000
39	Ống nghe	Cấu hình cung cấp: - 01 Ống nghe - 02 Cáp đầu tai nghe dạng mềm - 01 HDSD Đặc điểm: - Trọng lượng mảnh ngực: 95 g - Đường kính mặt màng lớn: 39 mm - Đường kính mặt màng/ chuông nhỏ: 32 mm - Tổng chiều dài: 77 cm	Cái	50	Hộp/ 1 cái	985,000	49,250,000
40	Dụng cụ đo huyết áp cơ	Đo huyết áp thông thường.	Cái	40	Hộp/ 1 cái	476,000	19,040,000
Phần 02: Hóa chất sát khuẩn y tế							76,132,500
1	Viên sát khuẩn	Quy cách: Hộp/ 100 viên; Viên sát khuẩn thành phần Chlorhexidine Gluconate, hiệu quả tác dụng diệt khuẩn kéo dài 6 giờ.	Viên	400	Hộp/ 100 viên	5,200	2,080,000

ST T	Tên hàng hóa	Thông số, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
2	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	- Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), có que thử, dùng được 75 ngày sau khi mở nắp bình. - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis). - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. - Có chứng nhận tương thích của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz.) - Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS	Can	30	Can/ 3,78 lít	1,100,000	33,000,000
3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh	Dung dịch rửa tay diệt khuẩn. Thành phần: 20% v / v chlorhexidine gluconate IP dung dịch tương đương với 4% w/v chlorhexidine gluconate, Hương liệu, Các chất hoạt động bề mặt không ion. pH trung tính thân thiện với da. Các chứng nhận: CE, FDA, GLP, GMP, ISO13485, ISO9001, FSC	chai	200	Chai/ 500 ml	100,000	20,000,000
4	Cồn 70 độ	Thành phần: - Cồn (70%) vol - Nước cất Công dụng: - Sát trùng - Tẩy vết bẩn thông thường - Sử dụng để sát khuẩn tay, dụng cụ trong gia dụng, y tế"	Lit	150	Chai 1 lít	31,500	4,725,000
5	Cồn 96 độ	Thành phần: - Cồn (96%) vol - Nước cất Công dụng: - Sát trùng - Tẩy vết bẩn thông thường - Sử dụng để sát khuẩn tay, dụng cụ trong gia dụng, y tế"	Lit	300	Can 30 lít	35,500	10,650,000

ST T	Tên hàng hóa	Thông số, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
6	Nước cất 2 lần	1. Hàm lượng cặn SiO ₂ , mg/l ≤ 0,02 2. Amoniac và muối amoni (NH ₄), mg/l ≤ 0,00 3. Sunfat (SO ₄), mg/l ≤ 0,4 4. Clorua (Cl), mg/l ≤ 0,02 5. Sắt (Fe), mg/l ≤ 0,01 6. Đồng (Cu), mg/l ≤ 0,0001 7. Nhôm (Al), mg/l ≤ 0,001 8. Độ cứng (Ca + Mg), mg/l ≤ 0,00 9. pH 5,5-6,5 10. Độ dẫn điện riêng K, MS.cm-1 ≤ 1 11. Tổng chất rắn hoà tan (TDS) ≤ 0,5	Lít	120	Can 20 lít	10,000	1.200.000
7	Dung dịch Javen	Sodium hypochloride NaClO 10% Sử dụng trong ngành công nghiệp tẩy trắng vải sợi, diệt trùng trong xử lý nước và vệ sinh môi trường.	Lít	180	Can 30 lít	14,750	2.655.000
8	Gel siêu âm	Dạng gel bôi ngoài da, dùng hỗ trợ trong quá trình siêu âm	Can	15	Can/ 5lít	121,500	1.822,500
Phần 03: Vật tư y tế dùng trong nha khoa.							144,007,056
1	Colgutapereha các số 20	Côn chính ốp ống tùy cỡ 20, độ thuận 6%	Hộp	7	Hộp 120 cây	110,000	770.000
2	Colgutapereha các số 25	Côn chính ốp ống tùy cỡ 25, độ thuận 6%	Hộp	7	Hộp 120 cây	110,000	770.000
3	Colgutapereha các số 30	Côn chính ốp ống tùy cỡ 30, độ thuận 6%	Hộp	7	Hộp 120 cây	110,000	770.000
4	Colgutapereha các số 35	Côn chính ốp ống tùy cỡ 35, độ thuận 6%	Hộp	7	Hộp 120 cây	110,000	770.000
5	Colgutapereha các số 40	Côn chính ốp ống tùy cỡ 40, độ thuận 6%	Hộp	4	Hộp 120 cây	110,000	440.000
6	Colgutapereha các số 45	Côn chính ốp ống tùy cỡ 45, độ thuận 6%	Hộp	4	Hộp 120 cây	110,000	440.000
7	Lentulo 30	Lentulo, chiều dài 21mm hoặc 25mm	Vi	3	Vi/ 4 cái	478,000	1.434.000
8	Sò đánh bóng acclean nha khoa	Sò đánh bóng, RDA 250, 125 micron	Viên	288	Hộp 144 viên	27,500	7.920.000

ST T	Tên hàng hóa	Thông số, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
9	Đai kim loại	Đai trám kim loại : Có hình dạng theo giải phẫu cho các tiếp xúc lý tương. Đường cong ở gờ bên tạo khoảng tiếp cận mặt nhai. Có lỗ bên giúp dễ đặt khuôn. Đai trám dễ tương thích và dễ đánh bóng hơn. chiều cao là 3.5mm chiều cao là 4.5mm chiều cao là 5.5mm chiều cao là 6.5mm chiều cao là 7.5mm	Cái	50	Hộp/50 cái	45,000	2,250,000
10	Cán Gương nha khoa	Làm bằng thép không gỉ. Dùng cho cả gương nha khoa 1 mặt và 2 mặt. Ổ vận hành côn giúp giữ chặt đầu dụng cụ được lắp vào.	Chiếc	16	1 Chiếc/ hộp	1,299,441	20,791,056
11	Thăm trám(nha khoa)	Làm từ hợp kim Duraspond không ri. Một đầu nhọn. Dùng để thăm khám.	Cái	16	1 Chiếc/ hộp	875,000	14,000,000
12	Mũi khoan tròn kim cương TF-12F	*Mũi khoan kim cương hình trụ, đầu tròn, có nhiều đường kính khác nhau *Có các loại hạt kim cương với độ thô khác nhau: Medium 64~126 micron (M); Ultrafine 15 micron (UF), supper fine 10~36 micron (SF), Fine 27~76 micron thô (F), Course 107~181 micron (C), Supper course 151~213 micron (SC) *Chiều dài: 19mm	Cái	10	Vi/ 5 mũi	104,000	1,040,000
13	Mũi khoan tròn kim cương TR-12	*Mũi khoan kim cương hình trụ, đầu tròn, có nhiều đường kính khác nhau *Có các loại hạt kim cương với độ thô khác nhau: Medium 64~126 micron (M); Ultrafine 15 micron (UF), supper fine 10~36 micron (SF), Fine 27~76 micron thô (F), Course 107~181 micron (C), Supper course 151~213 micron (SC) *Chiều dài: 19mm	Cái	10	Vi/ 5 mũi	83,000	830,000
14	Composite đặc màu A3	Composite đặc trám thẩm mỹ	Hộp	12	1 ống 4g/hộp	425,500	5,106,000
15	Composite đặc màu A3.5	Composite đặc trám thẩm mỹ	Hộp	12	1 ống 4g/hộp	425,500	5,106,000
16	Composite đặc màu A4	Composite trám thẩm mỹ răng sau	Hộp	7	1 ống 4g/hộp	450,000	3,150,000

ST T	Tên hàng hóa	Thông số, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
17	Composite đặc màu B2	Composite quang trùng hợp, có đặc tính cơ học và phản xạ ánh sáng giống răng tự nhiên Thành phần resin có trọng lượng phân tử cao, giảm sự co rút. Các hạt độn micro tương đối đồng nhất trong NT Premium giúp Composite có độ bóng cao và giữ được độ bóng lâu dài (VNN>6). Hệ thống hạt độn đặc biệt cũng được dùng để giảm độ dính vào dụng cụ nhưng vẫn đảm bảo dễ thao tác và điều khắc. Dưới ánh sáng UV, NT Premium có màu sắc và độ phản xạ, độ truyền ánh sáng giống răng tự nhiên. Được thiết kế theo bảng màu Vita classic, chỉ cần trám một loại cho miềng trám, không cần kỹ thuật đắp lớp ngà men. Chỉ định: trám trực tiếp răng trước và răng sau (kể cả mặt nhai); tái tạo cùi răng, nẹp các răng; các phục hồi gián tiếp như inlay, onlay, veneer...	Hộp	7	1 ống 4g/hộp	450,000	3,150,000
18	Chất Trám Tạm (Eugenate)	Dạng kem mịn dễ dàng đặt vào chỗ răng sâu Có độ bám tốt trên răng Không cần trộn Vật liệu cứng nhanh, dễ tháo gỡ thành mảng lớn Độ khít sát lớn, không bị rò rỉ, không bị bội nhiễm Không chất Eugenol, không ảnh hưởng tới miềng trám composite sau này	Lọ	5	Lọ / 30 g	120,000	600,000
19	Keo trám Bonding	Vật liệu dùng để trám răng, được đóng gói trong chai 7ml . bảo quản ở nhiệt độ thoáng mát , tránh tiếp xúc với ánh nắng mặt trời .	Lọ	12	Lọ/ 5 ml	1,175,000	14,100,000
20	Cọ quét Bonding	Cọ quét bond dùng trong nha khoa, chất liệu nhựa, màu trắng, chổi đầu nhỏ	hộp	16	Hộp/ 100 cái	145,500	2,328,000
21	Mặt gương nha khoa	Mặt gương nha khoa 1 mặt. Hình tròn. Ổ vận hành nón có gờ giúp tăng độ gắn kết giữa gương và tay cầm. Mặt gương phủ Rhodium chống trầy xước. Bề mặt láng mịn. Hình ảnh sắc nét.	Cái	60	1 Chiếc/ hộp	450,000	27,000,000
22	Mũi khoan tròn kim cương TR-13F	Mũi khoan kim cương hình trụ, đầu tròn, có nhiều đường kính khác nhau Có các loại hạt kim cương với độ thô khác nhau: Medium 64~126 micron (M); Ultrafine 15 micron (UF), supper fine 10~36 micron (SF), Fine 27~76 micron thô (F), Course 107~181 micron (C), Supper course 151~213 micron (SC)	Cái	10	Vi/5 mũi	141,500	1,415,000

CHUNG

BÁ
CHUNG T
Y TẾ
UYỆN
DU Đ

ST T	Tên hàng hóa	Thông số, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
23	Mũi khoan trụ tung sten higspeed	Mũi cắt mao thông dụng, màu vàng , đường kính 1 mm, chiều dài 19mm, dùng với tay khoan nhanh	Cái	10	Vi/5 mũi	204,500	2,045,000
24	Mũi khoan trụ tung sten higspeed	Mũi cắt mao màu vàng, đường kính 1.2mm, dài 19mm, dùng với tay khoan nhanh	Cái	10	Vi/5 mũi	204,500	2,045,000
25	Mũi trụ kim cương thon đầu tròn kích thước trung bình	Mũi khoan kim cương trụ ngắn đủ cỡ: 008-014 mm	Cái	20	Vi/5 mũi	116,500	2,330,000
26	Ống hút nước bọt	Ống hút nước bọt đầu màu xanh, không rỉ sét, dễ dàng tạo hình. Đầu ống trơn láng mềm mại để tránh hút dính vào mô	Túi	20	Túi 100 chiếc	186,000	3,720,000
27	Trâm gai trắng	Chiều dài: 21mm size: 0.30; 0.36; 0.42; 0.50; 0.58; 0.66	Cây	140	Hộp/ 6 cây	15,000	2,100,000
28	Trâm gai xanh	Chiều dài: 21mm size: 0.30; 0.36; 0.42; 0.50; 0.58; 0.66	Cây	140	Hộp/ 6 cây	15,000	2,100,000
29	Trâm gai vàng	Chiều dài: 21mm size: 0.30; 0.36; 0.42; 0.50; 0.58; 0.66	Cây	140	Hộp/ 6 cây	15,000	2,100,000
30	Kim nha trẻ em 30G/0.3mm	Thân kim được sillic hóa giúp tiêm dễ dàng hơn, giảm thiểu sự khó chịu của bệnh nhân Mũi kim thiết kế 2 diện cắt tạo mũi kim Ultra-sharp, có hình dạng tam giác nhọn, sắc bén giúp loại bỏ cảm giác đau khi tiêm Có mũi tên ký hiệu trên đốc kim giúp dễ dàng nhận diện góc xiên của mũi kim, đốc kim có mã hóa màu để dễ dàng nhận diện kích thước của kim Kích thước kim 30G (0.3) x 21mm	Hộp	2	Hộp / 100 cái	393,500	787,000
31	Phim rửa liền (3.0cm x 4.0cm)	Film rửa liền, hộp 100 film (không bao gồm dung dịch) Chất lượng cao, sản xuất tại Nhật Bản, đóng gói tại Trung Quốc. Rõ nét, độ nhạy cao, thời gian phơi sáng thấp. Kích thước: 30mm x 40mm Tiện dụng, nhanh chóng, dễ sử dụng Không cần sử dụng buồng rửa film Có hình ảnh ngay sau khi chụp 2- 3 phút Phù hợp với mọi loại film X-quang nha khoa	Tấm	1800	Hộp 100 tấm	7,000	12,600,000
Phần 04: Test sinh phẩm							224,195,000

ST T	Tên hàng hóa	Thông số, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
1	Que thử đường huyết và kim lấy máu	> 99% kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 15\%$ với Pp chuẩn ở nồng độ $\geq 100\text{mg/dL}$ hoặc $5,55\text{ mmol/l}$. Khoảng đo: $10\text{-}600\text{mg/dL}$ hoặc $0,6\text{mmol/L}\text{-}33,3\text{mmol/L}$. Hematocrit: $20 - 70\%$ (đo ngoài)	Test	28000	Hộp / 50 Test	7,540	211,120,000
2	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử phân tích nước tiểu sử dụng để phát hiện định tính và bán định lượng các chất sau trong nước tiểu : ASC, GLU, BIL, KET, SG, BLO, pH, PRO, URO, NIT, LEU. Que thử sử dụng một lần. Bảo quản nhiệt độ: $2\text{-}30\text{ }^{\circ}\text{C}$. Que thử sử dụng được cho Máy Insight U120 hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Hộp	50	Hộp/ 100 que	215,500	10,775,000
3	Test thử thai	Que thử xét nghiệm định tính hCG (Que thử thai nhanh) dùng để định tính phát hiện hCG trong nước tiểu, hỗ trợ sàng lọc và chẩn đoán thai sớm cho phụ nữ.	Test	100	Hộp/ 50 Test	23,000	2,300,000
TỔNG CỘNG						-	882,697,006

Số tiền **Đằng chữ:** Tám trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm lẻ sáu đồng.



